SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Nặng

# X330 EH SB

X330EH

**Giày** bảo h ộ c ổ thấp **có** đế **ngoài** chịu nhiệ t **và** chứ c **năng EH**

Giày an toàn thấp X330EH Jogger có khả năng bảo v ệ EH, chư ố ợt SR, chịu mài mòn và giày bằn g SJ Foam. Thích h ợp cho nhiều ngành công n ghiệ p và không thấm nước cho độ khô ráo và an toàn.

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Học hỏi |
| lót bên trong | màng |
| trong Đ ốp SJ | đế x |
| iữa đế g ệt chống thủ | ng |
| ngoài Đ | PU/cao su |
| u Đứng đầ ổng hợp | t |
| i Loạ ự | SB / Tái bút, SR, SC, WR, e, CHÀO, CI, FO, nhân s |
| Phạm vi kích thước | EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5<br>JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315 |
| ng lượng t thép | 0.756 kg |
| ẩn hiệu chu | EN ISO 20345:2022+A1:2024<br>ASTM F2413:2024 |

BLK

**Nguy** hiểm về điện **(EH)**
Giày an toàn có khả năng chống lạ nguy hiểm về điện (EH) có đế ngoài không dẫn điện. Là ộ chứ cấp, chúng làm giảm điều kiện khô ráo.

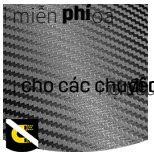

**Kim** l miễn **phí** oa
Giày an toàn không có kim an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày.

**SJ** BỌ T ấm lót chân T chống tĩnh mái có thể tháo rời văn, dẫn hướng và hấp thụ sốc lót chân và tàn Thông khí và hút ẩm.

Chống nước **(WR)**
Giày không thấm nước ngăn chất ô xâm nhập vào giày.

nhiệt
Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.

**SRC**
nước là trong những tính năng quan trọng giày bảo vệ chống lại SRC qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.


SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025

Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

## Công nghiệp n:

lĩnh vực ô tô, phục vụ ăn uống, Xây dựng, Thực phẩm & Khai thác mỏ, Dâu khi, Ngành công nghiệp

## ường: Môi t

rưu ờng ẩm, bớt bề mặt trơn trượt, môi trường ẩm ướt, bề mặt không bằng phẳng

## Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đa giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng phương pháp phù hợp nhất để kéo dài tuổi thọ

| | Sự miêu tả | ơn vị đo lường | Kết quả | EN ISO 20345 |
|---|---|---|---|---|
| Nhữ | ng vật liệu Họ chỏi cao cấp hơn | | | |
| | Top: khả năng thấm hơi | mg/cm/giờ | 4.84 | ? 0.8 |
| | Top: hệ số hơi | mg/cm2 | 45 | ? 15 |
| **ót bên trong** | **màng** | | | |
| | Lớp lót: thấm hơi | mg/cm/giờ | 2.6 | ? 2 |
| | lót: hệ số hơi | mg/cm2 | 24.3 | ? 20 |
| **rong** | Đế SJ đế x | | | |
| | ệm chân Độ chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ) | chu kỳ | 25600/12800 | 25600/12800 |
| **goài** | Đế PU/cao su | | | |
| | Chiều dày mặt đế ngoài | mm | 142 | ? 150 |
| | Chống trượt gót bằng - Ceramic + NaLS - Trượt gót lùi về phía trước | ma sát | 0.47 | ? 0.31 |
| | Chống trượt gót bằng - Gốm + NaLS - Trượt lùi về phía trước | ma sát | 0.50 | ? 0.36 |
| | Chống trượt gót bằng - Gốm + Glycerin - Trượt gót phía trước | ma sát | 0.20 | ? 0.19 |
| | Chống trượt SR bằng - Gốm + Glycerin - Trượt gót phía trước | ma sát | 0.26 | ? 0.22 |
| | Điện trở tĩnh điện | megaohm | N/A | 0.1 - 1000 |
| | Điện trở ESD | megaohm | N/A | 0.1 - 100 |
| | Hấp thụ năng lượng gót chân | J | 31 | ? 20 |
| Đầu ngón chân | | | | |
| | Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 100J) | mm | N/A | N/A |
| | Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN) | mm | N/A | N/A |
| | Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 200J) | mm | 19.0 | ? 14 |
| | Mũi giày an toàn chống nén (khoảng hở sau khi nén 15kN) | mm | 22.5 | ? 14 |

kích thước thép:

a chúng tôi không có trách nhiệm thay thế. Nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025
Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com